

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2025/DS-PT

Ngày 26-3-2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Ngô Thị Kim Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2025/QĐ-PT, ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lữ Văn T, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lữ Văn T: Bà Lữ Thị Thanh Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2025 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lữ Văn T: Luật sư Trần Văn D, Văn Phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Kim Quanh Đ1, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim Quanh Đ1: Luật sư Huỳnh Việt T1; Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T2 (Huỳnh Thị T3), sinh năm 1950 (có mặt);
2. Bà Thạch Thị C, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thạch Thị C: Ông Kim Quanh Đ1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2021 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị C: Ông Huỳnh Việt T1; Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo chỉ định của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (có mặt).

3. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Thạch S, sinh ngày 01/01/1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

5. Bà Thạch Thị N, sinh ngày 01/01/1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

6. Bà Thạch Thị Đ2, sinh ngày 01/01/1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ A, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

7. Ông Thạch T4, sinh ngày 01/01/1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8. Bà Lữ Thị Cẩm L, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

9. Bà Lữ Thị Cẩm H1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

10. Bà Lữ Thị Hồng T5, sinh năm 1975 (vắng mặt);

11. Bà Lữ Thị Thanh Đ, sinh năm 1983 (có mặt);

12. Bà Lữ Thị Thanh T6, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- *Người kháng cáo:* Ông Lữ Văn T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/7/2023, nguyên đơn Lữ Văn T và người đại diện của ông Lữ Văn T là chị Lữ Thị Thanh Đ trình bày và yêu cầu:* Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông T và bà T3 nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Sơn Ngọc M, bà Thạch Thị H và có làm giấy tay vào năm 1990, có diện tích 03 công 01 góc 3 với giá 81 gia lúa. Sau khi chuyển nhượng thì cũng trong năm 1990, ông T có đi kê khai, đăng ký phần đất trên tại nhà ông Bảy L1 (cán bộ xã P), đến ngày 28/01/2002, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất trên thì gia đình ông T đã cất nhà ở và canh tác sử dụng ổn định từ đó đến năm 2003 có tranh chấp với bà

Thạch Thị C, theo bà Huỳnh Thị T3 trình bày do cán bộ xã buộc bà ký tên vào biên bản hòa giải thành tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 25/02/2003. Tuy nhiên đến năm 2020, thì ông Kim Quanh Đ1 ngang nhiên đồ đất lấn chiếm diện tích phần đất do cha ông T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích chung 276m² (chiều ngang 6m, chiều dài 46m), thuộc thửa đất số 80 và 81, cùng tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp có diện tích 287m² (thực đo) thuộc 02 thửa: Thửa đất số: 80, diện tích 43m² và thửa 81, diện tích 244m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên đến ngày 24/7/2023, ông T có làm đơn khởi kiện bổ sung thêm diện tích đất 11m² thuộc 02 thửa 80 và 81, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nay ông Lữ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kim Quanh Đ1 phải trả lại cho ông T toàn bộ diện tích đất mà ông Đ1 đã chiếm là 287m² thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² và thửa 81, diện tích 244m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

** Theo bản tự khai ngày 11/6/2021 và đơn yêu cầu phản tố ngày 18/10/2024, bị đơn ông Kim Quanh Đ1 trình bày và yêu cầu: Ông có phần đất diện tích 297m² (thực đo 287m²) thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² và thửa đất số 81, diện tích 244m²; cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc phần đất này của mẹ vợ ông là bà Thạch Thị C cho ông quản lý, sử dụng từ năm 2003 đến nay.*

Trước đây gia đình ông T, bà T3 khai báo sai sự thật với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 297m² nêu trên của bà Thạch Thị C. Vụ việc này đã được Ủy ban nhân dân xã P giải quyết thông qua hòa giải tại biên bản hòa giải về tranh chấp đất ruộng ngày 25/02/2003 và biên bản về việc đo đạc cắm cột mốc ranh đất cho bà Thạch Thị C, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh ngày 28/11/2003 của ban hòa giải xã. Kết quả hòa giải, phía bà T3 đã đồng ý giao trả lại cho bà C 297m² và ban hòa giải xã cũng đã đo đạc cắm cột mốc ranh đất giao cho bà C.

Tuy nhiên, dù phía gia đình ông nhiều lần yêu cầu gia đình bà T3 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách thửa diện tích đất 297m² (thực đo 287m²) nêu trên, bà T3 vẫn chưa giao. Đến nay, ông T còn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông trả lại diện tích đất thì ông không đồng ý mà lẽ ra gia đình ông T phải có nghĩa vụ tách thửa trả lại đất cho ông.

Với lý do nêu trên ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất có diện tích 287m² (thực đo) thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² và thửa 81, diện tích 244m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Tại bản tự khai của các đương sự bà T3, bà L, bà H1, bà T5, bà Đ và bà T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn trình bày: Bà

T3, bà L, bà H1, bà T5, bà Đ và bà T6 hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Lữ Văn T, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn bà Thạch Thị C trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha, mẹ bà là ông Thạch S1 và bà Thạch Thị S2 để lại phần đất này cho bà sử dụng, canh tác từ lúc bà mới được 20 tuổi, sau đó bà giao lại phần đất này cho bà Thạch Thị H ở và bà Thạch Thị H bán lại phần đất này cho ông T, bà T3 nhưng bà H có chừa lại cho bà đường máy cày với chiều ngang 04 tầm cây. Đến năm 2003 bà có làm đơn yêu cầu chính quyền ấp và xã yêu cầu ông T, bà T3 trả lại phần đường máy cày mà bà H giao lại cho bà nên ngày 28/11/2003, được Ủy ban nhân dân xã P hòa giải thì bà T3 đồng ý ký tên và đồng ý giao lại phần đất đường máy cày chiều ngang 2,5 tầm (tương đương ngang 6m, dài 46 mét) cho bà và bà đã giao lại cho con rể là Kim Quanh Đ1 sử dụng ổn định cho đến nay nên bà không chấp nhận theo yêu cầu của ông T. Vì lý do phần đất này là đường máy cày mà ông T, bà T3, bà H đều thừa nhận và bà T3 đã đồng ý ký tên giao lại cho bà. Nay bà đồng ý giao cho ông Kim Quanh Đ1 nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/01/2024, bà Thạch Thị H trình bày:* Phần đất tranh chấp này có nguồn gốc là của cha, mẹ bà C cho bà, nhưng khi cho bà thì giữa bà với bà C có thỏa thuận để lại đường máy cày khoảng 3,5 tầm cho bà C quản lý, sử dụng. Nay ông T yêu cầu buộc ông Đ1 trả lại diện tích đất 287m² là không đúng, vì phần đất này là của bà C chừa làm đường máy cày nên thuộc quyền sở hữu của bà Thạch Thị C nên bà cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/02/2024, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn gồm ông Thạch S, bà Thạch Thị N, bà Thạch Thị Đ2 và ông Thạch T4 có lời trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và công nhận diện tích đất 287m² (thực đo) thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² và thửa 81, diện tích 244m², cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Kim Quanh Đ1, các ông, bà cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án số 65/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 92 và các điều 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 125, 166, 167, 170, 179 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 27, 31, 137, 171, 220, 235 và 236 Luật Đất đai năm 2024; Căn cứ các điều 189, 194, 197, 198, 199 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lữ Văn T yêu cầu buộc ông Kim Quanh Đ1 trả lại phần đất có diện tích 43m², thuộc một phần của thửa

80 và diện tích 244m², thuộc một phần của thửa 81, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Kim Q Đi, buộc ông Lữ Văn T, bà Nguyễn Thị T2, bà Lữ Thị Cẩm L, bà Lữ Thị Cẩm H1, bà Lữ Thị Hồng T5, bà Lữ Thị Thanh Đ và bà Lữ Thị Thanh T6 có trách nhiệm giao cho ông Kim Quanh Đ1 diện tích đất thực đo 287m² thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² loại đất trồng cây lâu năm và thửa 81, diện tích 244m² loại đất trồng lúa, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

A. Phần đất có diện tích 244m² loại đất trồng lúa có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 80, có kích thước 5,6m;
- Hướng T giáp Quốc lộ E, có kích thước 7,4m;
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 81, có kích thước 41,6m;
- Hướng Bắc giáp thửa 78, có kích thước 38,1m.

B. Phần đất có diện tích 43m² loại đất trồng cây lâu năm có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 1711, có kích thước 5,9m;
- Hướng Tây giáp thửa 81, có kích thước 6,5m;
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 80, có kích thước 7,5m;
- Hướng Bắc giáp thửa 78, có kích thước 7,8m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số: 362, ngày 08/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Trà Vinh).

Ông Kim Quanh Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án này theo quy định của Luật thi hành án dân sự và pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, ông Lữ Văn T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa toàn bộ bản án số 65/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T; công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích 287m², thuộc một phần của thửa 80 và thửa 81, cùng tờ bản đồ số 1 thuộc quyền sử dụng của ông; bác yêu cầu phản tố của ông Kim Quanh Đ1 đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tư liệu kê khai đăng ký, cấp giấy và kết quả đo đạc thẩm định của cơ quan chuyên môn; xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đất tranh chấp 278m² thuộc một phần thửa 80, 81, tờ bản đồ số 1; chấp nhận đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lữ Văn T làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lữ Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Phần diện tích đất nguyên đơn và bị đơn tranh chấp có diện tích thực đo 287m² thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² trong diện tích chung 740m² và thửa 81, diện tích 244m² trong diện tích chung 730m², cùng tờ bản đồ số 1; đất tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Các thửa đất số 80 diện tích 780m² và thửa 81 diện tích 730m², cùng tờ bản đồ số 1 do ông Lữ Văn T chuyển nhượng lại của bà Thạch Thị H vào năm 1990 và ông T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002.

Sau khi ông T, bà T2 chuyển nhượng đất từ bà H vào năm 1990, đến năm 1993 phía gia đình bà Thạch Thị C có khiếu nại, tranh chấp yêu cầu bà T2, ông T phải giao trả lại diện tích đất ngang 03 tầm trong phần đất thửa số 80 và 81 nhưng hai bên không thỏa thuận được (ông T, bà T2 thừa nhận tại bút lục số 56, 58). Năm 1997, ông Sơn Ngọc M có Đơn tường trình (bút lục số 120) cho rằng khi chuyển nhượng đất cho hộ ông B và bà T2 thì bà H có chừa lại phần đất ngang 3,5 tầm từ lộ chạy thẳng xuống ruộng. Vào năm 2003, bà C tiếp tục khiếu nại và được Ủy ban nhân dân xã P giải quyết. Theo các bên trình bày là tại Biên bản hòa giải 25/02/2003, giữa bà Thạch Thị C và bà Huỳnh Thị T3 (Nguyễn Thị T2) tự nguyện thỏa thuận là bà T2 đồng ý giao lại cho bà C phần đất gọi là đường máy cày ngang 5,9 mét, dài 56 mét. Đồng thời vào ngày 28/11/2003, cán bộ địa chính xã kết hợp với Ban N1, xã P tiến hành lập biên bản về việc đo đạc cắm cột mốc ranh đất cho bà Thạch Thị C và đề nghị bà T2 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C để tách thửa (Bút lục số 04) và kể từ năm 2003 đến nay phần đất tranh chấp này phía bà C và ông Kim Quanh Đ1 (con rể bà C) quản lý, sử dụng đất. Việc hòa giải, giao đất tranh chấp năm 2003 được ông T, bà T2 thừa nhận tại biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2021 (bút lục số 56, 58).

Mặc dù phần đất tranh chấp thực đo 278m² ông T, bà T2 chuyển nhượng từ ông M bà H, sau khi chuyển nhượng ông T có kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002. Nhưng trước khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Thạch Thị C, ông Sơn Ngọc M có khiếu nại, tranh chấp (được ông T, bà T2 thừa nhận tại bút lục số 56, 58

là bà C khiếu nại vào năm 1993, ông M khiếu nại tranh chấp vào năm 1997) và năm 2003, Ủy ban nhân xã P, huyện T giải quyết việc tranh chấp và theo biên bản hòa giải ngày 25/02/2003 được bà T2 thừa nhận thì giữa bà Thạch Thị C và bà Huỳnh Thị T3 (Nguyễn Thị T2) tự nguyện thỏa thuận là bà T2 đồng ý giao lại cho bà C phần đất gọi là đường máy cày ngang 5,9 mét, dài 56 mét. Đồng thời vào ngày 28/11/2003, cán bộ địa chính xã kết hợp với Ban N1, xã P tiến hành lập biên bản về việc đo đạc cắm cột mốc ranh đất giao cho bà Thạch Thị C và kể từ năm 2003 đến nay phần đất tranh chấp này phía bà C và ông Kim Quanh Đ1 (con rể bà C) quản lý, sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lữ Văn T, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Kim Quanh Đ1; buộc ông Lữ Văn T, bà Nguyễn Thị T2, bà Lữ Thị Cẩm L, bà Lữ Thị Cẩm H1, bà Lữ Thị Hồng T5, bà Lữ Thị Thanh Đ và bà Lữ Thị Thanh T6 có trách nhiệm giao cho ông Kim Quanh Đ1 diện tích đất thực đo 287m² thuộc 02 thửa: Thửa đất số 80, diện tích 43m² loại đất trồng cây lâu năm và thửa 81, diện tích 244m² loại đất trồng lúa, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lữ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do ông Lữ Văn T được Tòa án cấp sơ thẩm miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lữ Văn T.

Giữ nguyên bản án số 65/2024/DS-ST, ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành.

Về án phí phúc thẩm: Ông Lữ Văn T được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Hùng